

CONCEALED MORTISE HINGES BẢN LỀ ÂM

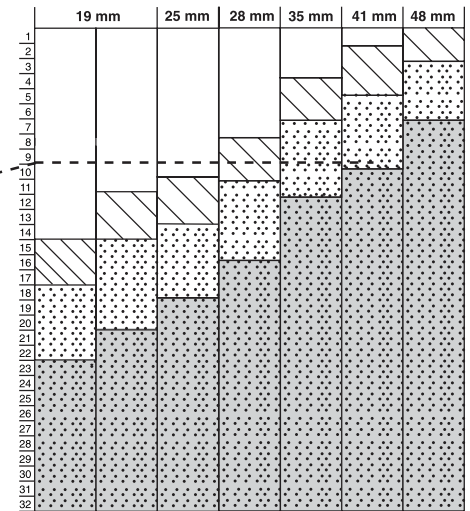
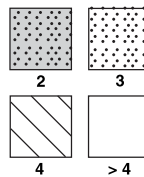
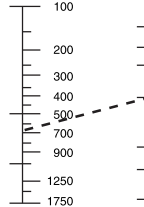
www.hafele-vn.com



Door thickness/ Độ dày cửa (mm)

Độ rộng cửa (mm) Trọng lượng cửa (kg)

Door panel width in mm Door weight in kg



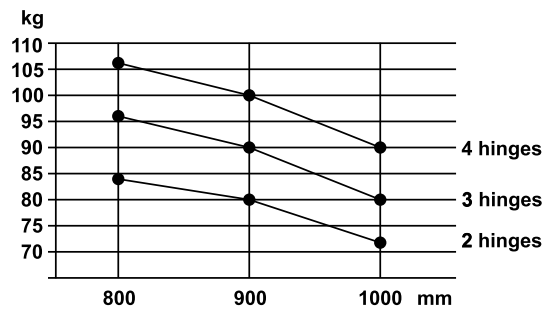
Description Mô tả	Door thickness Độ dày cửa	Materials Vật liệu	Finish Hoàn thiện	Art.No. Mã số
Concealed mortise hinge non-adjustable Bản lề âm	38-43mm	Zinc alloy Hợp kim kẽm	Satin Chrome Chrome mờ	341.07.972

Price based on 1 piece. / Giá được tính trên 1 cái.



Bảng trọng lượng cửa
Weight chart

Door weight
Trọng lượng cửa



Door width
Chiều rộng cửa

Door width / Chiều rộng cửa: ≤1,000 mm
Door height / Chiều cao cửa: ≤2,000 mm

Description Mô tả	Door thickness Độ dày cửa	Materials Vật liệu	Finish Hoàn thiện	Art.No. Mã số
Concealed mortise hinge 3D adjustable Bản lề âm	≥40mm	Zinc alloy Hợp kim kẽm	Satin nickel Niken mờ	927.32.006
				927.32.016

Price based on 1 piece. / Giá được tính trên 1 cái.